TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2018/DS-ST.
Ngày:24/5/2018
V/v:"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/05/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 188/2017/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 04 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Anh Võ Xuân S, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Vào ngày 06/11/2017 chị cho vợ chồng chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Hai bên có thiết lập giấy vay và vợ chồng chị T, anh S đã nhận đủ số tiền vay. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay 1 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 06/12/2017. Đã quá hạn nhưng chị T, anh S không trả được cho chị Th nên chị Th đã khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S có nghĩa vụ liên đới trả 500.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Th thừa nhận: Nguồn gốc số tiền 500.000.000đ mà chị Th khởi kiện vợ chồng chị T, anh S xuất phát từ việc ngày 16/7/2017 âm lịch (ngày 6/9/2017 dương lịch) chị cho vợ chồng anh S, chị T vay số tiền 1.615.000.000đ (Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1.500đ/ngày/1 triệu đồng, hẹn đến ngày 18/9/2017 trả đủ cả gốc và lãi. Do không có tiền trả nên ngày 6/11/2017 vợ chồng chị T đã chuyển nhượng cho chị Th quyền sử dụng đất lô đất diện tích 440m^2 tại Thôn B, xã B, huyện K Pắc với giá 1.550.000.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) để trừ nợ. Sau khi khấu trừ số tiền chuyển nhượng đất nói trên thì vợ chồng chị T còn nợ lại chị Th 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Cùng ngày 6/11/2017 chị Th có cho vợ chồng chị T, anh S vay thêm số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và hai bên thỏa thuận tiền lãi trên số tiền vay 1.615.000.000đ từ ngày 6/9/2017 đến ngày 6/11/2017 là 135.000.000đ nên ngày 06/11/2017 hai bên có viết lại giấy nợ là 500.000.000 đ. Khi vay vợ chồng chị Trần Thị T có giao cho chị Th 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 và số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T để đảm bảo số nợ vay nhưng hai bên không làm thủ tục đăng kí thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Th yêu cầu vợ chồng chị T, anh S có nghĩa vụ trả số tiền 442.000.000đ, trong đó: tiền vay gốc là 365.000.000đ, tiền lãi trên số nợ gốc 1.615.000.000đ là 77.000.000 đ (đã làm tròn) cụ thể lãi trong hạn tính từ ngày tính từ ngày 06/9/2017 đến ngày 18/9/2017 là: 1615.000.000đ x 13 ngày : 30 ngày x 20% : 12 tháng =11.663.889đ và lãi quá hạn tính từ ngày

19/9/2017 đến ngày 06/11/2017 là: 1.615.000.000đ x 49 ngày : 30 ngày x30%:12 tháng = 65.495.833 đồng. Và yêu cầu vợ chồng chị T, anh S trả thêm một khoản lãi suất trên số tiền gốc 365.000.000đ tính từ ngày 06/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất pháp luật quy định đồng thời nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 58.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2018 và ngày 10 tháng 01 năm 2018, bị đơn chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S trình bày: Ngày 16/7/2017 (âm lịch), vợ chồng anh chị có vay của chị Th số tiền 1.615.000.000đ (Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn vay, mức lãi suất và số tiền đã trả như nguyên đơn đã trình bày là đúng. Sau khi chuyển nhượng đất để trừ nợ thì vợ chồng chị còn nợ lại chị Th 65.000.000đ tiền gốc và một khoản lãi suất là 135.000.000đ. Đồng thời ngày 6/11/2017 chị T, anh S vay thêm của chị Th số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và hai bên thỏa thuận viết lại giấy nợ thành 500.000.000đ hẹn đến ngày 6/12/2017 sẽ trả đủ cả gốc và lãi theo mức lãi thỏa thuận miệng là 1.500đ/ngày/1 triệu. Vợ chồng anh S, chị T chỉ chấp nhận trả số tiền nợ gốc là 365.000.000đ, còn tiền lãi suất đề nghị chị Th giảm lãi suất và tính theo mức 0,95%/tháng.

Về tài sản thế chấp, khi vay vợ chồng chị Trần Thị T có giao cho chị Th Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T nhưng hai bên không làm thủ tục đăng kí thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật, hiện nay chị Th đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần tranh luận: Nguyên đơn chị Lê Thị Th yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 442.000.000đ và một khoản lãi suất trên số tiền gốc 365.000.000đ tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất pháp luật quy định cụ thể lãi suất trong hạn 20%/năm, lãi suất quá hạn 30%/năm. Đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 58.000.000 đồng.

Bị đơn chị Trần Thị T chấp nhận trả cho nguyên đơn 365.000.000đ tiền vay gốc và không chấp nhận mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu đồng thời yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S , bà Trần Thị T ngày 10/04/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 30/7/2007.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S đều đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Võ Xuân S vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 3 Nghị Định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Th. Buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S hoàn trả cho chị Lê Thị Th 365.000.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc, 77.000.000đ tiền lãi suất trên số nợ gốc 1.615.000.000đ và một khoản lãi suất phát sinh trên số tiền gốc 365.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th đối với số tiền 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Chị Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho chị T, anh S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 10/04/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 30/7/2007.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S có hộ khẩu Thờng trú tại Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả số tiền 500.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Căn cứ

vào điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S trả số tiền vay gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập lần thứ hai nhưng bị đơn anh Võ Xuân S vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Th yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S trả số tiền 442.000.000đ, trong đó: tiền vay gốc là 365.000.000đ, tiền lãi trên số nợ gốc 1.615.000đ đã vay trước đó là 77.000.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T và anh Võ Xuân S thừa nhận có nợ của chị Th số tiền 365.000.000 đ tiền vay gốc. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc vợ chồng chị T, anh S còn nợ chị Lê Thị Th số tiền vay gốc 365.000.000 đồng là có thật được các bên thừa nhận. Đối với yêu cầu của chị Lê Thị Th yêu cầu vợ chồng chị T anh S trả 77.000.000đ là khoản tiền lãi suất phát sinh trên số tiền gốc 1.615.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận số tiền lãi này xuất phát từ việc ngày 16/7/2017 âm lịch (ngày 6/9/2017 dương lịch) vợ chồng anh S, chị T vay của chị Th số tiền 1.615.000.000đ (Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1.500đ/ngày/1 triệu đồng, thời hạn vay thỏa thuận là 13 ngày (ngày 18/9/2017) sẽ trả đủ cả gốc và lãi, đến ngày 6/11/2017 vợ chồng chị T trả cho chị Th 1.550.000.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, do vợ chồng chị T chưa trả lãi nên hai bên thỏa thuận chốt tiền lãi tính từ ngày 06/9/2017 đến ngày 18/9/2017 là 135.000.000đ. Xét thấy mức lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Lê Thị Th chỉ yêu cầu vợ chồng chị

T, anh S phải trả số tiền 77.000.000đ theo mức lãi suất trong hạn là 20%/năm, lãi suất quá hạn là 30%/năm và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 58.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn chị T, anh S đề nghị chị Th giảm lãi suất theo mức 0,95%/tháng nhưng không được chị Th chấp nhận. Vì vậy, áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S trả cho chị Lê Thị Th 442.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền gốc 365.000.000đ tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giấy vay tiền lập ngày 06/11/2017 không thể hiện mức lãi suất cho vay. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận miệng mức lãi 4,5%/tháng. Như vậy lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật . Tại khoản 1 Điều 468 của BLDS năm 2015 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tại phiên tòa bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm lãi suất mức 0,95%/tháng nhưng không được nguyên đơn đồng ý và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 57.985.376đ, lãi suất được tính cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn từ ngày 06/11/2017 đến ngày 06/12/2017 là: 365.000.000đ x 31 ngày : 30 ngày x 20%: 12 = 6.286.111 đồng.

- Lãi suất quá hạn từ ngày 07/12/2017 đến ngày 24/05/2018 là: 365.000.000đ x 169 ngày : 30 ngày x 20%: 12 = 51.404.167 đồng.

- Lãi trên số tiền lãi 6.286.111đ chưa trả từ ngày 07/12/2017 đến ngày 24/05/2018: 6.286.111đ x 169 ngày : 30 ngày x 10%: 12 = 295.098 đ.

Như vậy tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S trả cho chị Lê Thị Th là: 499.985.376 đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

[3] Tại đơn khởi kiện chị Lê Thị Th yêu cầu vợ chồng chị T, anh S có nghĩa vụ trả 500.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Th rút một phần yêu cầu một

phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 58.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 58.000.000đ.

[4] Về tài sản thế chấp: Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận để đảm bảo số tiền vay, chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S có giao cho chị Lê Thị Th 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S , bà Trần Thị T ngày 10/04/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 30/7/2007. Tuy nhiên các bên không làm thủ tục công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền là không tuân thủ quy định của pháp luật. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản này không có giá trị pháp lý, áp dụng Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 3 Nghị Định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010, buộc chị Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S , bà Trần Thị T ngày 10/04/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 30/7/2007 là có cơ sở.

[5] Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S phải chịu 23.999.415đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 20.000.000đ + (99.985.376đ x 4%) = 23.999.415đ (Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười lăm đồng). Nguyên đơn chị Lê Thị Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều

228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, 502, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 3 Nghị Định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Th. Buộc vợ chồng chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Th số tiền 499.985.376đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó tiền vay gốc: 365.000.000đ; Tiền lãi suất là 134.985.376 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chị Lê Thị Th có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 373785 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 10/04/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 676005 do UBND huyện K cấp cho ông Võ Xuân S, bà Trần Thị T ngày 30/7/2007.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 58.000.000đ do nguyên đơn chị Lê Thị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị T, anh Võ Xuân S phải chịu 23.999.415đ (Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm mười lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th được nhận lại 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0001524 ngày 13 tháng 12 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Th, bị đơn chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Võ Xuân S được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(*Đã ký)*

Hoàng Long